TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 12-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Gia Khải.

Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại phòng xét xử hình sự Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với:

1.***Bị cáo***: Nguyễn Xuân Đ; tên gọi khác: không; giới tính: nam;

Sinh ngày 12/11/1990, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1966. Họ và tên mẹ: Vũ Thị Th1, sinh năm 1970; Vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1995; Có 02 con sinh năm 2017 và 2022; Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 19/2023/HS-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Nhân thân: Ngày 06/9/2011 tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân đến ngày 05/9/2014 xuất ngũ về địa phương; Bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2023, đến ngày 01/12/2023 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh.

2. ***Bị cáo***: Phan Đắc Tuấn A; tên gọi khác: không; giới tính: nam;

Sinh ngày 21/12/1994, tại thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Tổ 6x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Phan Đắc Kh, sinh năm 1971; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1982, trú tại tổ 6 thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Có 02 con sinh năm 2016 và 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/9/2023 đến nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Văn D, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: thôn Ch, xã Q, huyện Q.

2. Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q.

3. Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Q.

4. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Ch, huyện Q.

5. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn M, xã Ch, huyện Q.

6. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q.

7. Anh Nguyễn Tất M, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q.

8. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1995.

9. Bà Vũ Thị Th1, sinh năm 1970.

10. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1997.

11. Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1966.

Đều cư trú tại: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn L, xã Ch, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Chị Đoàn Thị D, sinh năm 1988

Nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, chị H. Vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn lại và những người làm chứng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ đầu năm 2021, bị cáo Nguyễn Xuân Đ sử dụng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 08B802491 do Phòng tài chính, kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 22/7/2015 cho hộ kinh doanh Vũ Thị Th1 (*mẹ đẻ Đ*) để kinh doanh dịch vụ cầm đồ, cho vay

tại nhà ở thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Tháng 3 năm 2022, Đ thuê bị cáo Phan Đắc Tuấn A là nhân viên với tiền lương thỏa thuận 5.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 20/01/2023 đến tháng 8/2023, Đ đã sử dụng nguồn tiền cá nhân để cho vay có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản với cách thức như sau: Khi khách đến vay tiền, Tuấn A gặp khách để thẩm định tài sản cầm cố (nếu có), thỏa thuận lãi suất vay, thực hiện các thủ tục giấy tờ rồi báo lại cho Đ để giao tiền, hình thức giao và nhận tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản 0896866686 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh Thái Bình. Sau khi cho vay, Tuấn A theo dõi các khoản vay và điện thoại nhắc khách đóng tiền lãi, trả tiền gốc khi đến hạn. Với cách thức trên và tùy vào các mối quan hệ, Đ đã nhiều lần cho 07 người vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương với lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 5,475 lần đến 9,125 lần. Cụ thể:

- Người vay thứ 1: Ngày 20/01/2023, Đ cho anh Nguyễn Thanh H vay 150.000.000 đồng tiền mặt, có giấy thỏa thuận vay nợ, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 5,475 lần. Hằng tháng, chị Phạm Thị T (vợ anh H) chuyển tiền từ số tài khoản 3406205083979 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Quỳnh Phụ, Bắc Thái Bình của chi T đến số tài khoản của Đ để trả lãi. Đến tháng 8/2023, thời hạn vay 07 tháng, anh H đã trả số tiền lãi 94.500.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định 17.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính 77.000.000 đồng. Anh H đã trả Đ tiền gốc 150.000.000 đồng.

- Người vay thứ 2: Ngày 05/6/2023, Đ sử dụng số tài khoản của Đ chuyển nhờ qua số tài khoản 0898226999 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh Thái Bình của chị Đoàn Thị D, sinh năm 1988, trú tại: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình cho anh Nguyễn Duy Q vay 10.000.000 đồng (tiền mặt), có giấy thỏa thuận vay nợ, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần, đến ngày 24/6/2023, thời hạn vay 20 ngày, anh Q đã trả số tiền lãi 1.000.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định 109.590 đồng, số tiền thu lợi bất chính 890.410 đồng. Anh Q đã trả Đ tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Người vay thứ 3: Đ cho chị Đoàn Thị H vay các khoản tiền sau:

Ngày 24/4/2023, Đ cho chị H vay 30.000.000 đồng tiền mặt, có giấy thỏa thuận vay nợ, lãi suất 3.300 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 120,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 6,025 lần, lãi trả hàng tháng bằng chuyển khoản từ số tài khoản 3406205364790 của chị Hoàn mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Quỳnh Phụ, Bắc Thái Bình đến số tài khoản của Đ. Đến ngày 21/8/2023, thời hạn

04 tháng, chị H đã trả số tiền lãi 12.000.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng. Đ cho chị H nợ lại tiền gốc, không tính lãi, đến nay chị H chưa trả tiền gốc cho Đ.

Ngày 29/7/2023, Đ cho chị H vay 30.000.000 đồng tiền mặt, có giấy thỏa thuận vay nợ, lãi suất 3.300 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 120,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 6,025 lần. Đến ngày 26/8/2023, thời hạn 01 tháng, chị H đã chuyển khoản từ số tài khoản 3406205364790 của chị H đến số tài khoản của Đ trả số tiền lãi 3.000.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định 500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng. Chị H đã trả Đ tiền gốc 30.000.000 đồng.

- Người vay thứ 4: Đ cho anh Vũ Văn D vay các khoản tiền sau:

Ngày 21/02/2023, Đ cho anh D cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 30H-035.xx vay 150.000.000 đồng (140.000.000 đồng tiền mặt và sử dụng tài khoản của Đ chuyển 10.000.000 đồng vào số tài khoản 3406205083979 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Quỳnh Phụ, Bắc Thái Bình của anh D), có giấy thỏa thuận vay nợ, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 5,475 lần, lãi trả 3 lần/tháng bằng chuyển khoản. Đến ngày 21/3/2023, thời hạn 01 tháng, anh D đã trả số tiền lãi 14.000.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định 2.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 11.500.000 đồng. Anh D đã trả Đ tiền gốc 150.000.000 đồng.

Ngày 12/4/2023, Đ cho anh D cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 30H-035.xx vay 120.000.000 đồng tiền mặt, có giấy thỏa thuận vay nợ, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 5,475 lần, lãi trả nhiều lần/tháng bằng chuyển khoản. Đến ngày 29/5/2023, thời hạn 47 ngày, anh D đã trả số tiền lãi 16.800.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định 3.090.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 13.710.000 đồng. Anh D đã trả Đ tiền gốc 120.000.000 đồng.

- Người vay thứ 5: Ngày 19/6/2023, Đ sử dụng số tài khoản của Đ chuyển vào số tài khoản 9704229290283907 mở tại ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh Thái Bình của anh Nguyễn Văn Q cho anh Q vay 100.000.000 đồng, không có hợp đồng, lãi suất 3000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 5,475 lần. Ngày 19/7/2023, anh Q chuyển khoản trả Đ 12.000.000 đồng và 7.000.000 đồng tiền mặt (*trong đó trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi*). Ngày 21/8/2023, anh Q chuyển khoản trả Đ 12.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền mặt (trong đó trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi). Như vậy, đến ngày 21/8/2023, thời hạn vay 64 ngày, anh Q đã trả số tiền lãi 17.000.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định 3.400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính

13.600.000 đồng. Số tiền gốc 80.000.000 đồng anh Q còn nợ Đ không tính lãi, đến nay anh Q chưa trả tiền gốc cho Đ.

Đối với khoản vay này, bị cáo Tuấn A không biết, không tham gia vào việc thỏa thuận vay, không nhắc anh Q trả gốc và đóng lãi.

- Người vay thứ 6: Ngày 30/7/2023, Đ cho anh Nguyễn Văn H vay 10.000.000 đồng tiền mặt, có giấy thỏa thuận vay nợ, lãi suất là 5000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần. Đến ngày 28/8/2023, thời hạn 30 ngày, anh H đã chuyển từ số tài khoản 107871985518 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam trả số tiền lãi 1.500.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định 164.384 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng. Anh H đã trả Đ số tiền gốc 6.000.000 đồng. Số tiền gốc 4.000.000 đồng còn nợ Đ không tính lãi, đến nay anh H chưa trả cho Đ.

- Người vay thứ 7: Đ cho anh Nguyễn Tất M vay các khoản tiền. Do anh M là giáo viên dạy Tiếng Anh cho con của Đ nên khi cho vay Đ không thỏa thuận lãi suất, khi anh M trả gốc sẽ trả cả tiền lãi bằng tiền mặt. Cụ thể các lần như sau:

Ngày 31/01/2023, Đ cho anh M vay 15.000.000 đồng (*sử dụng số tài khoản của Đ chuyển khoản vào số tài khoản 0966630826 của anh M mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh Thái Bình 10.000.000 đồng, 5.000.000 đồng tiền mặt*), có giấy thỏa thuận vay nợ. Đến ngày 05/02/2023, thời hạn 05 ngày, anh M trả tiền gốc 15.000.000 đồng và trả 300.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt, tức lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 146%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 7,3 lần, số tiền lãi được thu theo quy định 41.096 đồng, số tiền thu lợi bất chính 258.904 đồng.

Ngày 01/3/2023, Đ cho anh M vay 20.000.000 đồng (*sử dụng số tài khoản của Đ chuyển khoản vào số tài khoản của anh M 14.000.000 đồng, 6.000.000 đồng tiền mặt*), có giấy thỏa thuận vay nợ. Đến ngày 06/3/2023, thời hạn 05 ngày, anh M trả tiền gốc 20.000.000 đồng và trả 500.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt, tức lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần, số tiền lãi được thu theo quy định 55.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính 445.000 đồng.

Ngày 14/3/2023, Đ cho anh M vay 15.000.000 đồng (*sử dụng số tài khoản của Đ chuyển khoản vào số tài khoản của anh M 10.000.000 đồng, 5.000.000 đồng tiền mặt*), có giấy thỏa thuận vay nợ. Đến ngày 20/3/2023, thời hạn 06 ngày, anh M trả tiền gốc 15.000.000 đồng và trả 300.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt, tức lãi suất 3.300 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 120,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 6,025 lần, số tiền lãi được thu theo quy định 49.315 đồng, số tiền thu lợi bất chính 250.685 đồng.

Ngày 26/3/2023, Đ cho anh M vay 20.000.000 đồng (*sử dụng số tài khoản của Đ chuyển khoản vào số tài khoản của anh M 15.000.000 đồng, 5.000.000 đồng tiền mặt*), có giấy thỏa thuận vay nợ. Đến ngày 03/4/2023, thời hạn 09 ngày, anh M trả tiền gốc 20.000.000 đồng và trả 600.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt, tức lãi suất 3.300 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 120,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 6,025 lần, số tiền lãi được thu theo quy định 98.630 đồng, số tiền thu lợi bất chính 501.370 đồng.

Ngày 11/4/2023, Đ cho anh M vay 15.000.000 đồng tiền mặt, có giấy thỏa thuận vay nợ. Đến ngày 18/4/2023, thời hạn 07 ngày, anh M trả tiền gốc 15.000.000 đồng và trả 400.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt, tức lãi suất 3.800 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 139,0%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 6,95 lần, số tiền lãi được thu theo quy định 57.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính 342.466 đồng.

Ngày 30/4/2023, Đ cho anh M vay 15.000.000 đồng (*sử dụng số tài khoản của Đ chuyển khoản vào số tài khoản của anh M 10.000.000 đồng, 5.000.000 đồng tiền mặt*), có giấy thỏa thuận vay nợ. Đến ngày 06/5/2023, thời hạn 07 ngày, anh M trả tiền gốc 15.000.000 đồng và trả 400.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt, tức lãi suất 3.800 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 139,0%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 6,95 lần, số tiền lãi được thu theo quy định 57.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính 342.466 đồng.

Ngày 16/5/2023, Đ cho anh M vay 15.000.000 đồng tiền mặt, có giấy thỏa thuận vay nợ. Đến ngày 24/5/2023, thời hạn 09 ngày, anh M trả tiền gốc 15.000.000 đồng và trả 500.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt, tức lãi suất 3.700 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 135,1%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 6,755 lần, số tiền lãi được thu theo quy định 73.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính 426.027 đồng.

Ngày 07/6/2023, Đ cho anh M vay 10.000.000 đồng tiền mặt, có giấy thỏa thuận vay nợ. Đến ngày 12/6/2023, thời hạn 06 ngày, anh M trả tiền gốc 10.000.000 đồng và trả 200.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt, tức lãi suất 3.300 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 120,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 6,025 lần, số tiền lãi được thu theo quy định 32.877 đồng, số tiền thu lợi bất chính 167.123 đồng.

Ngày 15/6/2023, Đ cho anh M vay 25.000.000 đồng (*sử dụng số tài khoản của Đ chuyển khoản vào số tài khoản của anh M 15.000.000 đồng, 10.000.000 đồng tiền mặt*), có giấy thỏa thuận vay nợ. Đến ngày 25/6/2023, thời hạn 10 ngày, anh M trả tiền gốc 25.000.000 đồng và trả 700.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt, tức lãi suất 2.800 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 102,2%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 5,11 lần, số tiền lãi được thu theo quy định 136.986 đồng, số tiền thu lợi bất chính 563.014 đồng.

Ngày 03/7/2023, Đ cho anh M vay 20.000.000 đồng tiền mặt, có giấy thỏa thuận vay nợ. Đến ngày 10/7/2023, thời hạn 07 ngày, anh M trả tiền gốc 20.000.000 đồng và trả 500.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt, tức lãi suất 3.570 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 130,3%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 6,515 lần, số tiền lãi được thu theo quy định 76.712 đồng, số tiền thu lợi bất chính 423.288 đồng.

Đối với các khoản vay này Tuấn A không tham gia vào việc thỏa thuận vay, không nhắc anh M trả gốc và đóng lãi.

Ngày 15/9/2023, bị cáo Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu trắng bạc; 35 tờ giấy thỏa thuận vay nợ; 02 giấy bán, cho, tặng xe; 01 giấy mượn xe; 01 vở kẻ ngang nhãn hiệu Hồng Hà kích thước (175x250)mm gồm 116 mặt giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 116 có chữ ký của Nguyễn Xuân Đ ở các mặt giấy có viết chữ và số; 01 vở kẻ ngang nhãn hiệu Hồng Hà kích thước (175x250)mm gồm 64 mặt giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 64 có chữ ký của Nguyễn Xuân Đ ở các mặt giấy có viết chữ và số; 01 sổ hợp đồng cầm cố gồm 58 trang được đánh số từ 01 đến 58 có chữ ký của Nguyễn Xuân Đ ở các mặt giấy có viết chữ và số; 01 sổ được đánh số 03 trang đầu tiên từ 01 đến 03 có chữ ký của Nguyễn Xuân Đ ở các mặt giấy có chữ viết và số, những trang sau là biểu mẫu hợp đồng cầm cố không có chữ viết, chữ số gì; số tiền 53.000.000 đồng. Bị cáo Tuấn A tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

Ngày 18/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Đ tại thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, không phát hiện, thu giữ gì.

Cáo trạng số 22/CT-VKSQP ngày 01/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Đ và Phan Đắc Tuấn A về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đ và Tuấn A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trong bản cáo trạng. Bị cáo Đ khai không sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu trắng bạc vào việc phạm tội, bị cáo Tuấn A không được hưởng lợi gì từ số tiền thu lời bất chính. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Đ tự nguyện nộp lại số tiền 81.256.369 đồng là tiền thu lợi bất chính. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị H (*vợ bị cáo Đ*) khai: Chị H không biết, không tham gia, không giúp sức cho Đ trong việc cho vay

lãi nặng. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã quản lý số tiền 53.000.000đồng do Đ tự nguyện giao nộp, đây là tài sản riêng của chị có nguồn gốc do bố đẻ chị H cho riêng chị H. Chị H đề nghị Hội đồng xét xử chuyển số tiền 53.000.000 đồng này để khắc phục số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ, chị không yêu cầu bị cáo phải thanh toán lại cho chị.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ và Tuấn A, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Đề nghị áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tuấn A.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000đồng đến 35.000.000đồng nộp ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 19/2023/HS-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án từ 18 đến 21 tháng tù được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 12/8/2022 đến ngày 15/8/2022 của Bản án số 19/2023/HS-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và thời gian bị tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 01/12/2023.

Xử phạt bị cáo Phan Đắc Tuấn A từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Tuấn A cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tuấn A.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1,2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng, số IMEI 357219093845407 của bị cáo Nguyễn Xuân Đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, số IMEI 353807085960418; 01 điện thoại di động nhãn hiệu di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI 357698107631822 của bị cáo Phan Đắc Tuấn A. Trả lại bị cáo Nguyễn Xuân Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu trắng bạc, số IMEI 355715157723038. Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải nộp lại

656.000.000 đồng tiền sử dụng để cho vay và số tiền 29.943.631 đồng tiền lãi được thu theo quy định để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Tuyên buộc bị cáo Đ phải trả lại những người có quyền nghĩa vụ liên quan số tiền 134.256.369 đồng là tiền thu lợi bất chính, cụ thể: anh Nguyễn Thanh H 77.000.000 đồng, anh Nguyễn Duy Q 890.410 đồng, chị Đoàn Thị H 12.500.000 đồng, anh Vũ Văn D 25.210.000 đồng, anh Nguyễn Văn Q 13.600.000 đồng, anh Nguyễn Văn H 1.335.616 đồng, anh Nguyễn Tất M 3.720.343 đồng. (Số tiền này bị cáo đã nộp 81.256.369 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự và số tiền 53.000.000đồng của chị H đồng ý chuyển thành tiền cho bị cáo để khắc phục tiền thu lợi bất chính). Tuyên buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền 114.000.000 đồng bị cáo Đ dùng cho vay mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang quản lý để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: Chị Đoàn Thị H 30.000.000đồng; anh Nguyễn Văn Q 80.000.000đồng; anh Nguyễn Văn H 4.000.000đồng.

Tiếp tục quản lý theo hồ sơ vụ án 35 tờ giấy thỏa thuận vay nợ; 02 giấy bán, cho, tặng xe; 01 giấy mượn xe; 02 vở kẻ ngang nhãn hiệu Hồng Hà; 02 sổ hợp đồng cầm cố.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận các bị cáo, chị H không có ý kiến tranh luận với nhau, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm

sát, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như:

- Các biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ và biên bản làm việc kiểm tra điện thoại và biên bản làm việc do Phòng Cảnh sát hình sự (PC02) Công an tỉnh Thái Bình lập các ngày 14 và 15/9/2023 tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Bình;

- Bản kết luận giám định số 1457/KL-KTHS ngày 02/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận 115 tờ tiền polyme gửi giám định là tiền thật;

- Biên bản khám xét do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 11 giờ 45 phút ngày 18/9/2023 tại chỗ ở của Nguyễn Xuân Đ, thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

- Công văn cung cấp thông tin số 216/MB-HHA ngày 29/9/2023 và sao kê lịch sử giao dịch số tài khoản 0896866686 của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh Thái Bình, phòng giao dịch Hưng Hà, chủ tài khoản Nguyễn Xuân Đ;

Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 20/01/2023 đến ngày 26/8/2023, tại thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã có hành vi sử dụng số tiền 770.000.000 đồng của cá nhân cho 07 cá nhân vay tiền, gồm: anh Nguyễn Thanh H, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Văn H, Vũ Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Tất M và chị Đoàn Thị H với lãi suất 3000 đồng đến 5000 đồng/triệu/ngày, tương đương với lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/ năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 5,475 lần đến 9,125 lần, số tiền lãi thu được 164.200.000 đồng, trong đó: số tiền lãi được thu quy định trong Bộ luật Dân sự 29.943.631 đồng, số tiền thu lợi bất chính 134.256.369 đồng.

Bị cáo Phan Đắc Tuấn A có vai trò giúp sức cho bị cáo Nguyễn Xuân Đ trong việc cho 05 cá nhân vay tiền gồm: anh Nguyễn Thanh H, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Văn H, Vũ Văn D và chị Đoàn Thị H với tổng số tiền 490.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng đến 5000 đồng/triệu/ngày, tương đương với lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/ năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 5,475 lần và 9,125 lần, số tiền lãi thu được 142.800.000 đồng, trong đó: số tiền lãi được thu quy định trong Bộ luật Dân sự 25.863.974 đồng, số tiền thu lợi bất chính 116.936.026 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

"1. *Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, cho vay với mức lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) là 5,475 lần đến 9,125 lần. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất ổn định trong các giao dịch dân sự, làm ảnh hưởng xấu đến khả năng thanh toán nợ của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò hành vi phạm tội của mỗi bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn nhưng vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo có sự khác nhau, vì vậy cần phải xem xét vai trò và nhân thân của từng bị cáo để xét xử và lên mức hình phạt cho phù hợp. Đối với bị cáo Đ là người giữ vai trò chính, trực tiếp sử dụng nguồn tiền cá nhân để cho vay, bản thân có 01 tiền án về tội "*đánh bạc*" . Đối với bị cáo Tuấn A phạm tội với vai trò giúp sức làm công cho bị cáo Đ, gặp khách để thẩm định tài sản cầm cố (nếu có), thỏa thuận lãi suất vay, thực hiện các thủ tục giấy tờ rồi báo lại cho Đ để giao tiền, bản thân không được hưởng lợi đối với số tiền thu lời bất chính. Vì vậy vai trò và mức hình phạt của bị cáo Đ phải cao hơn bị cáo Tuấn A.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho thấy: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Tuấn A phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Đ đã chủ động nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính, bản thân có thời gian tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân. Vì vậy, khi lượng hình cần áp dụng điểm s khoản 1

Điều 51 đối với các bị cáo; áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tuấn A để các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ. Về tình tiết tặng nặng: Bị cáo Tuấn A không bị áp dụng tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo Đ đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo Đ bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*Tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt: Từ những phân tích nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Đ ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Đối với bị cáo Tuấn A có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng phạm với vai trò giúp sức, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và bảo đảm mục đích hình phạt nói chung.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Đ phạm tội có động cơ thu lợi bất chính, vì vậy áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ. Đối với bị cáo Tuấn A phạm tội vai trò giúp sức, bản thân không được hưởng lợi từ số tiền thu lợi bất chính, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tuấn A như đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Đối với bị cáo Đ phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, vì vậy buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 19/2023/HS-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 12/8/2022 đến ngày 15/8/2022 của Bản án số 19/2023/HS-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

[8] Quá trình điều tra xác định, ngoài cho 07 người nêu trên vay tiền, Nguyễn Xuân Đ còn cho anh Đoàn Ngọc Nh, sinh năm 1973, cư trú tại: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989, cư trú tại: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; anh Hoàng Văn Kh, sinh năm 1995, cư trú tại: thôn L, xã Ch, Q, Thái Bình; anh Trần Nam C, sinh năm 1989, cư trú tại: thôn M, xã Qg, huyện Q, tỉnh Thái Bình; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, cư trú tại: thôn Ng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; anh Nguyễn Xuân Gi, sinh năm 1989; anh Nguyễn Quốc Ph, sinh năm 1991, đều cư trú tại: thôn C, xã Ch, huyện Q, tỉnh Thái Bình; anh Đoàn Văn Tuấn A, sinh năm 2001, cư trú tại: thôn Lương Cụ B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình và anh Phạm Văn V, sinh năm 1993, cư trú tại: thôn A, xã Ch, huyện Q, tỉnh Thái Bình vay tiền với lãi suất 36,5%/năm đến dưới 91,25%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 1,825 lần đến 4,5625 lần. Ngày 19/01/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

Quỳnh Phụ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi nêu trên của Đ.

Đối với khoản vay ngày 06/7/2022 của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998, cư trú tại: thôn Ngh, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình với lãi suất 73%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) 3,65 lần. Do khoản vay này chị T đã trả gốc, lãi vào ngày 08/7/2022, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Công an huyện Quỳnh Phụ không xử lý hành chính đối với hành vi nêu trên của Nguyễn Xuân Đ.

Ngoài ra, Nguyễn Xuân Đ còn cho anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1990; anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1977; anh Đoàn Trung H, sinh năm 1991; anh Đoàn Ngọc A, sinh năm 1974; anh Phạm Hồng K, sinh năm 1992, đều cư trú tại: thôn H, xã Q, huyện Q; anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991, cư trú tại: thôn L, xã Ch, huyện Q; anh Trần Văn Q, sinh năm 1972, cư trú tại: thôn Ph, xã Q, huyện Q; anh Đinh Văn Ph, sinh năm 1986, cư trú tại: thôn C, xã B, huyện H; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990, cư trú tại: thôn V, xã A, huyện Q; anh Nguyễn Công Ch, sinh năm 1982, cư trú tại: thôn Tr, xã Q, huyện Q; anh Vũ Duy H, sinh năm 1999, cư trú tại: thôn Ph, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương; anh Mai Quý Qu, sinh năm 1988, cư trú tại: thôn B, xã Đ, huyện Đ; anh Trịnh Thanh Ph, sinh năm 2007, cư trú tại: thôn H, xã A, huyện Q; anh Nguyễn Trọng Kh, sinh năm 1993, cư trú tại: Tổ 2, thị trấn Q, huyện Q; anh Vũ Gia Nh, sinh năm 1997, cư trú tại: tổ 1, thôn A, xã Li, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; chị Phạm Thị B, sinh năm 1993, cư trú tại: tổ 7, thị trấn A, huyện Q; anh Vũ Đ Ngh, sinh năm 1973, cư trú tại: thôn Tr, xã D, huyện H và anh Nguyễn Tất M (vay ngày 08/8/2023) nhưng không lấy lãi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hành vi này của Đ.

Theo các tài liệu thu thập được, Đ còn cho chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1973, cư trú tại: thôn T, xã Q, huyện Q; anh Lê Văn D, sinh năm 1977, cư trú tại: thôn H, xã Q, huyện Q; anh Đoàn Sinh T, sinh năm 1989, cư trú tại: thôn L, xã Ch, huyện Qụ; anh Phạm Văn D, sinh năm 1990, cư trú tại: thôn C, xã B, huyện H; anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1995, cư trú tại: thôn Kh, xã D, huyện H; chị Vũ Thị Hoài Th, sinh năm 1989, cư trú tại: thôn Ng, xã Li huyện V, thành phố Hải Phòng; chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1973, cư trú tại: thôn H, xã Ch, huyện Q; anh Đào Tiến H, sinh năm 1992, cư trú tại: thôn Ngh, xã Q, huyện Q; anh Lê Văn L, sinh năm 1976, cư trú tại: thôn Tr, xã Q, huyện Q; anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1997, cư trú tại: thôn Kh, xã D, huyện H; anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1982, cư trú tại: thôn V, xã H, huyện H; anh Đoàn Hồng S, sinh năm 1980, cư trú tại: thôn A, xã Q, huyện Q; anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1990, cư trú tại: thôn N, xã T, huyện H; anh Bùi Huy X, sinh năm 1994, cư trú tại: thôn B, xã D, huyện H; chị Bùi Thị D, sinh năm 1985, cư trú tại: thôn X, xã Q, huyện Q; anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1998, cư trú tại: thôn Tr, xã Th, huyện Th; chị Nguyễn Thị T,

sinh năm 1983, cư trú tại: thôn Q, xã B, huyện H; anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982, cư trú tại: thôn A, xã Ch, huyện H; anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972, cư trú tại: thôn Á, xã Đ, huyện H; chị Biện Thị S, sinh năm 1980, cư trú tại: thôn M, xã Q, huyện Q; anh Đỗ Văn Gi, sinh năm 1988, cư trú tại: thôn Đ, xã Ch, huyện Q; anh Đỗ Hồng Ng, sinh năm 1993, cư trú tại: thôn C, xã Ch, huyện Q; anh Đinh Văn L, sinh năm 1988, cư trú tại: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vay tiền, cầm đồ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng những người này đều vắng mặt tại địa phương, chưa làm việc được nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Trong các tài liệu Đ giao nộp thể hiện cho những người có tên K, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Đặng Hương Nh, Nguyễn Xuân Th, T, Nguyễn Tuấn Q, Nguyễn Quang H, Đoàn Đ T, Vũ Văn Qu và Nguyễn Văn T vay nhưng không xác định được thông tin cụ thể của những người này nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với bà Vũ Thị Th1 (mẹ đẻ Đ) là người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh đã giao hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ cho Đ quản lý từ sau khi đăng ký giấy phép và những người trong hộ kinh doanh gồm ông Nguyễn Xuân Th (bố đẻ Đ), anh Nguyễn Văn A (em trai Đ) và chị Vũ Thị H (vợ Đ) đều không biết, không tham gia, không giúp sức cho Đ trong việc Đ cho vay lãi nặng nêu trên nên không có căn cứ xác định bà Thúy, ông Đ, anh A và chị H đồng phạm với Đ.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng, số IMEI 357219093845407 của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, số IMEI 353807085960418 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI 357698107631822 của bị cáo Tuấn A đã dùng vào việc phạm tội, vì vậy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu trắng bạc, số IMEI 355715157723038 của bị cáo Đ kết quả điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội, vì vậy cần tuyên trả lại cho bị cáo Đ.

Đối với số tiền bị cáo Đ đã dùng để cho vay là 656.000.000đồng và số tiền lãi được thu theo quy định trong Bộ luật Dân sự là 29.943.631đồng mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trả và bị cáo Đ đã quản lý, buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 114.000.000đồng bị cáo Đ dùng để cho vay mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang quản lý, buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: Chị Đoàn Thị H 30.000.000đồng; anh Nguyễn Văn Q 80.000.000đồng; anh Nguyễn Văn H 4.000.000đồng.

Đối với số tiền 134.256.369 đồng được xác định là tiền thu lợi bất chính mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trả và bị cáo Đ đã quản lý. Buộc bị cáo Đ phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: anh Nguyễn Thanh H 77.000.000 đồng, anh Nguyễn Duy Q 890.410 đồng, chị Đoàn Thị H 12.500.000 đồng, anh Vũ Văn D 25.210.000 đồng, anh Nguyễn Văn Q 13.600.000 đồng, anh Nguyễn Văn H 1.335.616 đồng, anh Nguyễn Tất M 3.720.343 đồng.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ và Phan Đắc Tuấn A phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 ; Điều 17; Điều 58; khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 09 tháng tù. Buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 19/2023/HS-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 01/12/2023 và thời gian bị tạm giữ từ ngày 12/8/2022 đến ngày 15/8/2022 của Bản án số 19/2023/HS-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Đắc Tuấn A 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Tuấn A cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tuấn A.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tuấn A.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên trả lại bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu trắng bạc, số IMEI 355715157723038.

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 03 điện thoại di động gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng, số IMEI 357219093845407 của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, số IMEI 353807085960418 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI 357698107631822 của bị cáo Tuấn A.

- Tuyên buộc bị cáo Đ phải nộp lại số tiền 685.943.631 đồng *(sáu trăm tám mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi mốt đồng)* để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước (*gồm 656.000.000 đồng là tiền bị cáo sử dụng cho vay; 29.943.631 đồng là tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự*).

- Tuyên buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền bị cáo Đ sử dụng cho vay để tịch thu nộp ngân sách nhà nước gồm: Chị Đoàn Thị H 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*; Anh Nguyễn Văn H 4.000.000 đồng *(bốn triệu đồng)*; Anh Nguyễn Văn Q 80.000.000 đồng *(tám mươi triệu đồng)*;

- Tuyên buộc bị cáo Đ phải trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính gồm: Anh Nguyễn Thanh H 77.000.000 đồng *(bảy mươi bảy triệu đồng)*; Anh Nguyễn Duy Q 890.410 đồng *(tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười đồng)*; chị Đoàn Thị H 12.500.000 đồng *(mười hai triệu năm trăm nghìn đồng)*; anh Vũ Văn D 25.210.000 đồng *(hai mươi lăm triệu hai trăm mười nghìn đồng)*; anh Nguyễn Văn Q 13.600.000 đồng *(mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*; anh Nguyễn Văn H 1.335.616 đồng *(một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm nười sáu đồng)*; anh Nguyễn Tất M 3.720.343 đồng *(ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng)*.

Chuyển số tiền 53.000.000 đồng *(quản lý của chị H là vợ bị cáo Đ)* và số tiền 81.256.369 đồng bị cáo Đ đã nộp tạm thu tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ chuyển thành tiền thi hành án.

(*Vật chứng và số tiền chuyển thành tiền thi hành án có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ đang quản lý*).

- Tiếp tục quản lý theo hồ sơ vụ án: 35 tờ giấy thỏa thuận vay nợ; 02 giấy bán, cho, tặng xe; 01 giấy mượn xe; 01 vở kẻ ngang nhãn hiệu Hồng Hà kích thước (175x250)mm gồm 116 mặt giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 116; 01 vở kẻ ngang nhãn hiệu Hồng Hà kích thước (175x250)mm gồm 64 mặt giấy được

đánh số thứ tự từ 01 đến 64; 01 sổ hợp đồng cầm cố gồm 58 trang được đánh số từ 01 đến 58; 01 sổ được đánh số 03 trang đầu tiên từ 01 đến 03.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Đ và bị cáo Tuấn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. các bị cáo, chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THA hình sự huyện Quỳnh Phụ;
- Bị cáo; Người có QL & NVLQ;
- Ủy ban nhân dân TT Q;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Đức